

Số: /2022/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Dự thảo
22/01/2022

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN VỀ QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ CỦA DOANH NGHIỆP KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về:

a) Thủ tục đăng ký hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

b) Thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

2. Các nội dung khác về quản lý ngoại hối liên quan đến khoản vay nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức phát hành là người cư trú bao gồm:

- a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;
- b) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng;
- c) Hợp tác xã, liên minh hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo Luật hợp tác xã.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam nơi Tổ chức phát hành mở tài khoản để thực hiện rút vốn, trả nợ khoản phát hành trái phiếu quốc tế.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trái phiếu quốc tế là trái phiếu do Tổ chức phát hành chào bán cho người không cư trú và không lưu ký tại một tổ chức lưu ký trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Khoản phát hành là khoản vay trung, dài hạn nước ngoài dưới hình thức phát hành trái phiếu quốc tế của Tổ chức phát hành không được Chính phủ bảo lãnh.

3. Ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản là các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được phép hoạt động kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của pháp luật Việt Nam nơi Tổ chức phát hành mở và sử dụng tài khoản vay, trả nợ nước ngoài để thực hiện khoản phát hành.

4. Phương án phát hành trái phiếu quốc tế là tập hợp các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản phát hành đảm bảo phù hợp với quy định về điều kiện vay nước ngoài, quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, bao gồm các nội dung cơ bản về: Tổ chức phát hành; mục đích phát hành; quy mô phát hành; phương thức phát hành; dự kiến thời gian phát hành, kế hoạch sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu; kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu.

5. Xác nhận hạn mức phát hành là việc Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản trị giá khoản phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài tự vay, tự trả được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm.

6. Đại diện bên cho vay là tổ chức đại diện cho các chủ sở hữu trái phiếu trong việc thực hiện các nội dung liên quan đến trái phiếu quốc tế của Tổ chức phát hành.

Điều 4. Trách nhiệm của Tổ chức phát hành

1. Tuân thủ các quy định hiện hành về điều kiện vay nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, về quản lý ngoại hối đối với việc vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, về chứng khoán và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh thông qua hình thức chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế.

2. Sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu quốc tế đúng mục đích được nêu tại phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật, đảm bảo tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

3. Tuân thủ các quy định có liên quan của nước sở tại nơi trái phiếu được chào bán.

Điều 5. Xử lý hồ sơ đăng ký hạn mức phát hành, hồ sơ đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành khi Tổ chức phát hành có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, quản lý vay, trả nợ nước ngoài

Trong quá trình xử lý hồ sơ đăng ký hạn mức phát hành, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản phát hành, trường hợp Ngân hàng Nhà nước phát hiện Tổ chức phát hành có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý ngoại hối, quản lý vay, trả nợ nước ngoài (bao gồm cả hành vi không tuân thủ chế độ báo cáo về vay, trả nợ nước ngoài), việc xem xét xác nhận hạn mức phát hành, xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành của Tổ chức phát hành được thực hiện sau khi Tổ chức phát hành đã chấp hành các biện pháp xử phạt hành chính theo quy định hiện hành của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

Chương II

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HẠN MỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU QUỐC TẾ KHÔNG ĐƯỢC CHÍNH PHỦ BẢO LÃNH

Điều 6. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế không được Chính phủ bảo lãnh

1. Sau khi phương án phát hành trái phiếu quốc tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và muộn nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc trước khi Tổ chức phát hành thực hiện chào bán trái phiếu trên thị trường quốc tế, Tổ chức phát hành gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Điều 7 Thông tư này theo 01 (một) trong 03 (ba) cách thức sau:

a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;

c) Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia khi thủ tục đăng ký hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế đã được nâng cấp lên Dịch vụ công mức độ 3, 4;

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận hạn mức phát hành trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp từ chối xác nhận hạn mức phát hành, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký hạn mức phát hành

1. Đơn đề nghị đăng ký hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 01 kèm theo Thông tư này).

2. Hồ sơ pháp lý của Tổ chức phát hành bao gồm: Bản sao (có xác nhận của Tổ chức phát hành về việc sao từ bản chính) Giấy phép thành lập doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư và các văn bản sửa đổi (nếu có);

3. Bản chính hoặc bản sao (có xác nhận của Tổ chức phát hành về việc sao từ bản chính) phương án phát hành trái phiếu quốc tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng quy định hiện hành về điều kiện chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

4. Bản chính hoặc bản sao (có xác nhận của Tổ chức phát hành về việc sao từ bản chính) văn bản phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ của Tổ chức phát hành.

5. Bản chính hoặc bản sao (có xác nhận của Tổ chức phát hành về việc sao từ bản chính) văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật đối với các chương trình, dự án đầu tư của Tổ chức phát hành; kế hoạch tăng quy mô vốn hoạt động; cơ cấu lại khoản nợ của Tổ chức phát hành sẽ thực hiện bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu quốc tế.

6. Bản chính hoặc bản sao (có xác nhận của Tổ chức phát hành về việc sao từ bản chính) báo cáo, đánh giá hệ số tín nhiệm (nếu có).

7. Báo cáo về nội dung liên quan đến việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật (áp dụng đối với Tổ chức phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền).

8. Báo cáo về việc đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành, giới hạn vay nước ngoài theo quy định về điều kiện vay nước ngoài (nếu có).

Điều 8. Cơ sở để xem xét, xác nhận hạn mức phát hành

1. Tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài tự vay, tự trả hàng năm do Thủ tướng Chính phủ duyệt.

2. Việc Tổ chức phát hành tuân thủ và đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành về điều kiện vay nước ngoài, quản lý ngoại hối đối với hoạt động vay, trả nợ nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh, các quy định hiện hành của pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

3. Thông tin do các tổ chức và cơ quan có liên quan cung cấp theo đề nghị của Ngân hàng Nhà nước (trong trường hợp cần thiết).

Điều 9. Cơ chế phối hợp giữa các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước khi xử lý hồ sơ đăng ký hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế của Tổ chức phát hành là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Vụ Quản lý ngoại hối:

a) Thực hiện xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế theo quy định tại Thông tư này.

b) Đầu mối, phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Thanh tra giám sát ngân hàng Chi nhánh, Vụ Chính sách tiền tệ và các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước khi xem xét, xử lý hồ sơ đề nghị xác nhận hạn mức phát hành trái phiếu quốc tế của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng hoặc Thanh tra, giám sát ngân hàng Chi nhánh:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ Quản lý ngoại hối, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Thanh tra, giám sát ngân hàng Chi nhánh cung cấp ý kiến giám sát đối với việc tuân thủ quy định của pháp luật về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc đối tượng thanh tra, giám sát an toàn vi mô của đơn vị được gửi xin ý kiến. Phạm vi ý kiến giám sát bao gồm ý kiến đối với các chỉ tiêu riêng lẻ và các chỉ tiêu hợp nhất của các tỷ lệ, giới hạn mà Tổ chức phát hành báo cáo tại Phụ lục 1A Thông tư này.

3. Vụ Chính sách tiền tệ và các đơn vị liên quan khác thuộc Ngân hàng Nhà nước:

Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Vụ Quản lý ngoại hối, các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước cung cấp ý kiến về các nội dung nằm trong phương án phát hành trái phiếu quốc tế liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được gửi xin ý kiến.

CHƯƠNG III

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KHOẢN PHÁT HÀNH

Điều 10. Hồ sơ đăng ký khoản phát hành

1. Đơn đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này).

2. Bản sao (có xác nhận của Tổ chức phát hành về việc sao từ bản chính) văn bản thông báo ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (áp dụng đối với Tổ chức phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán).

3. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Tổ chức phát hành về tính chính xác của bản dịch và bản sao tiếng nước ngoài) đối với:

- a) Hợp đồng bảo lãnh phát hành hoặc hợp đồng mua bán trái phiếu;
- b) Hợp đồng quy định về tổ chức là đại diện bên cho vay (nếu có);
- c) Các thỏa thuận đại lý tùy theo cấu trúc của đợt phát hành;
- d) Hợp đồng tư vấn phát hành.

4. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Tổ chức phát hành về tính chính xác của bản dịch và bản sao tiếng nước ngoài) các hợp đồng hoặc thỏa thuận khác (nếu có) mà doanh nghiệp ký với bên nước ngoài ràng buộc nghĩa vụ trả phí liên quan đến khoản phát hành của doanh nghiệp.

Điều 11. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký khoản phát hành

1. Sau khi lựa chọn các tổ chức bảo lãnh phát hành, các đại lý và tư vấn pháp lý liên quan đến khoản phát hành và trước khi thực hiện chào bán trái phiếu chính thức, Tổ chức phát hành gửi 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị đăng ký khoản phát hành theo quy định tại Điều 10 Thông tư này theo 01 (một) trong 03 (ba) cách thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia khi thủ tục đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế đã được nâng cấp lên Dịch vụ công mức độ 3, 4;

Đối với các tài liệu quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Thông tư này, Tổ chức phát hành gửi các bản dự thảo lần cuối có quy định chi tiết các điều kiện có liên quan của trái phiếu (sau đây gọi là “hồ sơ sơ bộ”).

2. Sau khi các tài liệu quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Thông tư này được ký chính thức giữa các bên liên quan, Tổ chức phát hành hoàn thiện hồ sơ đăng ký khoản phát hành với các thành phần hồ sơ chính thức theo quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 10 Thông tư này. Các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức phải giống với các dự thảo lần cuối theo hồ sơ sơ bộ đã gửi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp các hợp đồng, thỏa thuận ký chính thức có nội dung khác với các dự thảo đã gửi Ngân hàng Nhà nước và không trái với các quy định của pháp luật liên quan, Tổ chức phát hành gửi văn bản báo cáo rõ các nội dung thay đổi giữa hợp đồng, thỏa thuận chính thức và các dự thảo lần cuối tại hồ sơ sơ bộ đã gửi Ngân hàng Nhà nước.

3. Thời gian xử lý thủ tục đăng ký khoản phát hành

a) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ sơ bộ đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp cần làm rõ, bổ sung hoặc chỉnh sửa nội dung có liên quan, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Tổ chức phát hành hoàn thiện hồ sơ đăng ký khoản phát hành.

b) Trong thời gian 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chính thức theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận đăng ký khoản phát hành trái phiếu quốc tế gửi Tổ chức phát hành. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

CHƯƠNG IV

THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI KHOẢN PHÁT HÀNH

Điều 12. Các trường hợp phải đăng ký thay đổi khoản phát hành

1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này, khi thay đổi bất kỳ nội dung nào liên quan đến khoản phát hành được nêu tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành, Tổ chức phát hành có trách nhiệm thực hiện đăng ký thay đổi khoản phát hành theo quy định tại Thông tư này.

2. Trường hợp kế hoạch rút vốn, trả nợ gốc, chuyển phí thực tế thay đổi trong phạm vi 10 (mười) ngày làm việc so với kế hoạch rút vốn, trả nợ gốc, chuyển phí đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận trước đó, Tổ chức phát hành có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản để thực hiện các giao dịch chuyển tiền (rút vốn, trả nợ) theo kế hoạch thay đổi, không yêu cầu phải đăng ký thay đổi khoản phát hành với Ngân hàng Nhà nước.

3. Tổ chức phát hành chỉ thực hiện thông báo với Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản (qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước), không thực hiện đăng ký thay đổi khoản phát hành đối với các nội dung sau:

- a) Thay đổi địa chỉ Tổ chức phát hành;
- b) Thay đổi tên giao dịch thương mại của ngân hàng cung ứng dịch vụ tài khoản nơi Tổ chức phát hành mở tài khoản để rút vốn, trả nợ khoản phát hành.
- c) Thay đổi kế hoạch trả lãi, phí của khoản phát hành so với kế hoạch đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận tại văn bản xác nhận đăng ký, xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành nhưng không thay đổi nguyên tắc, cách thức xác định lãi, phí.
- d) Thay đổi số tiền trả nợ gốc do trái phiếu được chuyển đổi hoặc hoán đổi thành cổ phần đối với khoản phát hành trái phiếu của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

4. Thời hạn gửi văn bản thông báo đối với các nội dung quy định tại khoản này là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thay đổi hoặc nhận được thông báo của các bên liên quan về sự thay đổi đối với các nội dung nêu trên.

5. Trường hợp số tiền rút vốn, trả nợ gốc thực tế của một kỳ cụ thể (trong phạm vi 01 (một) tháng/quý/năm) ít hơn số tiền được nêu tại kế hoạch rút vốn, trả nợ trên văn bản xác nhận đăng ký hoặc văn bản xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành và việc rút vốn, trả nợ ít hơn không cần phải có sự thỏa thuận giữa các Bên:

- a) Tổ chức phát hành *được thực hiện* rút vốn, trả nợ *số tiền ít hơn* số tiền đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận đối với kỳ rút vốn, trả nợ cụ thể.
- b) Tổ chức phát hành có trách nhiệm đăng ký thay đổi kế hoạch rút vốn, trả nợ đối với số tiền rút vốn, trả nợ còn lại của kỳ đó trước khi thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Thông tư này.

Điều 13. Hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành

1. Đơn đăng ký thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế (theo Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này);
2. Bản sao tiếng nước ngoài và bản dịch tiếng Việt (có xác nhận của Tổ chức phát hành về tính chính xác của bản dịch và bản sao tiếng nước ngoài) các thỏa thuận thay đổi đã ký (nếu có);
3. Bản sao (có xác nhận của Tổ chức phát hành về việc sao từ bản chính) văn bản đồng ý của cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quốc tế của Tổ chức phát hành đối với nội dung thay đổi khoản phát hành trái phiếu quốc tế (nếu có);
4. Văn bản của doanh nghiệp giải trình về việc không có các thành phần hồ sơ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này trong trường hợp nội dung thay đổi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành đồng ý nguyên tắc

khi phê duyệt phương án phát hành hoặc nội dung thay đổi phù hợp theo quy định của pháp luật mà không buộc phải ký kết chính thức bằng văn bản giữa các bên.

Điều 14. Trình tự thủ tục đăng ký thay đổi khoản phát hành

1. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký thỏa thuận thay đổi hoặc trước thời điểm diễn ra nội dung thay đổi (đối với trường hợp nội dung thay đổi không cần ký thỏa thuận thay đổi song vẫn đảm bảo phù hợp với các hợp đồng, thỏa thuận liên quan đến khoản phát hành), Tổ chức phát hành gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký thay đổi khoản phát hành theo quy định tại Điều 13 Thông tư này theo 01 (một) trong 03 (ba) cách thức sau:

- a) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;
- b) Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- c) Nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia khi thủ tục đăng ký thay đổi khoản phát hành đã được nâng cấp lên Dịch vụ công mức độ 3, 4.

2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của Tổ chức phát hành. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp cần thêm thông tin để có đủ cơ sở xác nhận hoặc từ chối xác nhận đăng ký thay đổi khoản phát hành, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu Tổ chức phát hành bổ sung tài liệu, thông tin cần thiết trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Tổ chức phát hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .../.../2022.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành,
 - a) Thông tư 17/2013/TT-NHNN ngày 16/7/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc phát hành trái phiếu quốc tế của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh hết hiệu lực thi hành;
 - b) Khoản 3 Điều 12 Thông tư 29/2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thành phần hồ sơ có bản sao chứng thực giấy tờ, văn bản được bãi bỏ.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức phát hành chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

THÔNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như Điều 16;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Công báo;
- Lưu VP, QLNH, PC.